TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2018
"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.
2. Ông Siu Tơ Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1983. Có mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1982. Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị N qua thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2010 tại UBND thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau. Nay tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Hà Thị N: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, chị N tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình xử: Anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Hà Thị N; Về con chung: Miễn xét; Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/11/2017, nguyên đơn là anh Nguyễn Thành N có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn chị Hà Thị N và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của anh N đúng quy định, chị Nhâm có nơi cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập chị Hà Thị N đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị N đều không đến Tòa án để làm việc và không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tại phiên tòa, chị N vắng mặt lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành N, chị Hà Thị N và yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N thấy rằng:

Anh Nguyễn Thành N, chị Hà Thị N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2010 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của anh N thì trong quá trình chung sống, giữa anh và chị Nhâm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi. Do chị N không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị N đối với yêu cầu khởi kiện của anh N và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời anh N đã trình bày. Việc chị N vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị và anh N.

Kết quả xác minh về những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh N, chị N tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật. Cụ thể tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2018, ông Phạm Văn H, là tổ trưởng tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện S, tỉnh Gia Lai cho biết nguyên nhân anh N và chị N nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi, hiện tại anh chị không còn sống chung với nhau nữa.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên anh N rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với chị N nhưng anh N kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn mặc dù vắng mặt chị N với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, bản thân anh hiện không còn tình cảm với chị N.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa anh N và chị N là có thật, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã ly thân, không sống chung với nhau một thời gian dài, anh Nam không còn tình cảm với chị N nên kiên quyết xin ly hôn; chị N không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa xem như từ bỏ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Tòa án và Hội đồng xét xử không có điều kiện để hòa giải, động viên anh chị quay về đoàn tụ. Do đó, căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, xử cho anh N được ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Hà Thị N.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thành N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001599 ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Thành N đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2018). Bị đơn là chị Hà Thị N vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**